

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2009/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2009

THÔNG TƯ

hướng dẫn hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc lập quy hoạch, kế hoạch, xây dựng, thẩm định, ban hành; rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ; trình bày và thể hiện nội dung; thông báo, phổ biến, đăng ký, xuất bản, phát hành quy chuẩn kỹ thuật và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các Cục, Vụ, các tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc triển khai công tác quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Trong trường hợp Công ước/Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định tại Thông tư này thì áp dụng quy định của Công ước/Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành để bắt buộc áp dụng trong phạm vi toàn quốc.

Điều 4. Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Sản xuất, chế biến, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển nông sản, lâm sản, muối, giết mổ gia súc, gia cầm;

2. Giống cây trồng, giống vật nuôi;

3. Vật tư nông nghiệp và lâm nghiệp, phân bón, thức ăn chăn nuôi;

4. Bảo vệ thực vật, thú y, kiểm dịch thực vật, động vật;

5. Công trình thủy lợi, đê điều;

6. Dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

7. An toàn, vệ sinh thủy sản, thực phẩm thủy sản xuất khẩu, thức ăn nuôi trồng thủy sản, thuốc thú y thủy sản, hóa chất, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản, giống thủy sản;

8. An toàn, vệ sinh trong quá trình sản xuất từ nuôi trồng, khai thác, chế biến, bảo quản, vận chuyển thủy sản;

9. Dụng cụ đánh bắt thủy sản, các thiết bị đòi hỏi yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong ngành thủy sản;

10. Dịch vụ trong lĩnh vực thủy sản;

11. Trường hợp cần thiết phải xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mang tính liên ngành thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi văn bản đến Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét quyết định.

Điều 5. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh tế - xã hội, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ trên thị trường trong nước và quốc tế.

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh quốc gia, vệ sinh, sức khỏe con người, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan, bảo vệ động vật, thực vật,

môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

3. Hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải bảo đảm công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử và không gây trở ngại đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại.

4. Việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải:

a) Dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ, kinh nghiệm thực tiễn, nhu cầu hiện tại và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội;

b) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được xây dựng dựa trên một hoặc những căn cứ sau đây: Tiêu chuẩn quốc gia; Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài; Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật; Kết quả đánh giá, khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm tra, giám định; trừ trường hợp các tiêu chuẩn đó không phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, kỹ thuật, công nghệ của Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia;

c) Ưu tiên quy định các yêu cầu về tính năng sử dụng sản phẩm, hàng hóa; hạn chế quy định các yêu cầu mang tính mô tả hoặc thiết kế chi tiết;

d) Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tiêu chuẩn và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam.

Điều 6. Hợp tác trong hoạt động quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, các hội, hiệp hội tham gia xây dựng, phổ biến áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; đầu tư phát triển hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; đào tạo kiến thức, kỹ thuật, nghiệp vụ về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 7. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Lợi dụng hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để cản trở, gây phiền hà, sách nhiễu đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại của tổ chức, cá nhân.

2. Thông tin, quảng cáo sai sự thật và các hành vi gian dối khác trong hoạt động lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

3. Lợi dụng hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để gây phương hại đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường, sức khỏe của nhân dân.

Điều 8. Ký hiệu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành

Quy định như sau: QCVN xx-zz: yyyy/BNNPTNT, bao gồm:

1. Số hiệu và năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được phân cách bằng

dấu hai chấm và được đặt sau ký hiệu QCVN;

2. Chữ viết tắt tên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là: BNNPTNT được đặt sau năm ban hành (yyyy) quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và được phân cách bằng dấu gạch chéo.

3. xx-zz là mã số quy chuẩn kỹ thuật, trong đó:

xx là mã theo lĩnh vực: 01 là lĩnh vực Nông nghiệp;

02 là lĩnh vực Thủy sản;

03 là lĩnh vực Lâm nghiệp;

04 là lĩnh vực Thủy lợi;

zz là mã của quy chuẩn kỹ thuật cụ thể.

Chương II

LẬP VÀ PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 9. Yêu cầu đối với quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải bao gồm mục tiêu mang tính định hướng, lộ trình và giải pháp thực hiện, dự kiến kết quả cho từng giai đoạn quy hoạch và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nội dung của quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải thể hiện tính hệ thống, tính đồng bộ đối với các lĩnh vực và đối tượng cần xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Các đối tượng trong từng lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cho từng giai đoạn quy hoạch.

3. Nội dung chính quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Lập quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Theo điều kiện và yêu cầu quản lý, các Cục chủ trì tổ chức việc lập, sửa đổi, bổ sung quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực được Bộ phân công quản lý và thông báo công khai trên trang tin điện tử 30 ngày, để lấy ý kiến rộng rãi trước khi gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Cục, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt theo quy định.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, thông báo công khai trên trang tin điện tử của Bộ, trong

thời gian 30 ngày kể từ ngày phê duyệt và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Điều chỉnh quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Trong trường hợp cần thiết, các Cục đề xuất điều chỉnh quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt theo trình tự quy định tại Điều 10 Chương II Thông tư này.

Chương III

LẬP VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ HÀNG NĂM XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 12. Yêu cầu đối với kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được phê duyệt.

2. Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm và điều kiện phát triển khoa học và công nghệ của lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn ở Việt Nam.

Điều 13. Tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch 5 năm và hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Các Cục chủ trì tổ chức lập kế hoạch 5 năm và hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, gửi dự thảo kế hoạch về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 5 năm và hàng năm của các Cục, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và thông báo công khai trên trang tin điện tử trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 14. Kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Việc lập và phê duyệt kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định như sau:

1. Lập dự thảo kế hoạch 5 năm:

Vào quý II của năm trước năm bắt đầu kế hoạch 5 năm, căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước và quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được phê duyệt (nếu có), các Cục chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức việc lập dự thảo kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực được phân công quản lý kèm theo thuyết minh, gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và đồng thời thông báo trên trang tin điện

từ (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Cục và của Bộ để lấy ý kiến. Thời gian góp ý dự thảo ít nhất là 60 ngày, kể từ ngày gửi dự thảo;

Cục chủ trì tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực được phân công quản lý và gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Dự thảo kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và thuyết minh được lập theo nội dung quy định tại mục 1, mục 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phê duyệt kế hoạch 5 năm

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với Tổng Cục Tiêu chuẩn, Đo lường chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ để thẩm định kế hoạch 5 năm và trình Bộ phê duyệt; thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và công khai trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt.

3. Sửa đổi, bổ sung kế hoạch 5 năm

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và yêu cầu của quản lý, các Cục chịu trách nhiệm xem xét, trình Bộ phê duyệt sửa đổi,

bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, sau đó thông báo công khai quyết định sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt.

Điều 15. Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Nội dung của kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm: tên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần xây dựng được sắp xếp theo chuyên ngành, lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật; loại quy chuẩn kỹ thuật, tên tổ chức biên soạn dự thảo; thời gian thực hiện; kinh phí dự kiến và nguồn kinh phí; dự kiến kế hoạch phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật.

Việc lập, phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện như sau:

1. Lập dự thảo kế hoạch hàng năm:

a) Quý II hàng năm, căn cứ kế hoạch 5 năm, yêu cầu quản lý, kết quả rà soát cần sửa đổi, bổ sung, thay thế và các đề xuất của tổ chức, cá nhân, Cục đề nghị kế hoạch năm sau bằng văn bản, được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, kèm theo Dự án xây dựng của mỗi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để tổng hợp;

Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thực hiện theo

quy định tại mục 3 Phụ lục II, ban hành kèm theo Thông tư này;

Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Cục lập dự thảo kế hoạch cho năm sau trên cơ sở xem xét các Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch hàng năm:

a) Cục gửi dự thảo kế hoạch đến các tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến, đồng thời thông báo về việc lấy ý kiến trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Cục và của Bộ. Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày gửi dự thảo.

b) Cục tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch hàng năm và gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

3. Phê duyệt kế hoạch hàng năm:

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp, trình Bộ phê duyệt kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong Quý III của năm trước năm kế hoạch, cùng với phê duyệt kế hoạch khoa học và công nghệ của Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan, Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia (sau đây viết tắt là Văn phòng TBT Việt Nam) theo quy định và công khai trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Bộ trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt.

4. Thực hiện kế hoạch hàng năm:

a) Cục chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch đã được Bộ phê duyệt;

b) Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu, các Cục báo cáo về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng, đồng thời báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình và kết quả thực hiện.

5. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm:

a) Việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm phải được thực hiện trước ngày 01 tháng 7 của năm kế hoạch. Trình tự, thủ tục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch áp dụng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này;

b) Trường hợp do yêu cầu cấp thiết của quản lý nhà nước, việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm được thực hiện theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương IV

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 16. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định như sau:

1. Bước 1: Thành lập Ban soạn thảo

Theo điều kiện cụ thể, Cục thành lập Ban soạn thảo hoặc chỉ định cơ quan, tổ chức trong phạm vi lĩnh vực quản lý được Bộ giao (sau đây gọi chung là Ban soạn thảo) để xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Bước 2: Biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Ban soạn thảo thực hiện các công việc sau:

a) Chuẩn bị việc biên soạn dự thảo:

- Thu thập, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước liên quan đến đối tượng quản lý và nội dung chính của Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (nếu cần);

- Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu có liên quan đến Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Thông qua đề cương chi tiết triển khai Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia kèm theo khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định tại Khoản 1 điều 29 Thông tư này;

- Các công việc khác có liên quan.

b) Triển khai việc biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

- Biên soạn dự thảo trên cơ sở khung nội dung dự thảo đã được phê duyệt và viết thuyết minh cho dự thảo;

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, lấy ý kiến của chuyên gia và các bên liên quan đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo để đăng lên trang tin điện tử lấy ý kiến rộng rãi.

3. Bước 3: Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

- a) Gửi dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia kèm theo thuyết minh đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến và Cơ quan thông báo và Điểm hỏi đáp cấp Bộ (TBT) để xác định sự cần thiết phải thông báo cho WTO, đồng thời thông báo trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Cục và của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thời gian xin ý kiến góp ý cho dự thảo ít nhất là 60 ngày, kể từ ngày gửi dự thảo. Trong trường hợp cấp thiết liên quan đến sức khỏe, an toàn, môi trường thì thời gian lấy ý kiến có thể rút ngắn hơn theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Ban soạn thảo xử lý, tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo quy chuẩn quốc gia theo quy định tại Khoản 5 Điều này.

c) Cục tổ chức nghiệm thu Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và gửi hồ sơ về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để thẩm tra.

d) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm tra, trình Bộ và chuyển hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng Cục Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng) để thẩm định.

4. Bước 4: Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (bao gồm cả quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mang tính liên ngành) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành thực hiện như sau:

a) Trường hợp nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục hoàn thiện dự thảo, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi

trường trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định;

b) Trường hợp không nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có văn bản trình Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

c) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý và cấp mã số quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

5. Hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

a) Hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm:

- Quyết định giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho cơ quan, tổ chức kèm theo Dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được phê duyệt;

- Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ quan, tổ chức xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được hoàn chỉnh sau khi có ý kiến thẩm định (bao gồm cả văn bản dự thảo và bản điện tử), kèm theo thuyết minh;

bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tài liệu tham khảo khác;

- Danh sách cơ quan được gửi dự thảo để lấy ý kiến; bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý;

- Công văn đề nghị nghiệm thu, thẩm tra, thẩm định;

- Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Văn bản tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ cho dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

b) Cục và cơ quan biên soạn có trách nhiệm lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Điều 17. Thẩm định quy hoạch, kế hoạch xây dựng, Quy chuẩn địa phương

1. Khi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến về quy hoạch, kế hoạch xây dựng, nội dung Quy chuẩn địa phương thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, thì theo chức năng nhiệm vụ, các Cục chủ trì thẩm định và trình Bộ trưởng ký văn bản trả lời.

2. Khi các Bộ, ngành và địa phương có văn bản lấy ý kiến đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn góp ý về

quy hoạch, kế hoạch xây dựng, nội dung Quy chuẩn địa phương không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, thì theo chức năng nhiệm vụ, các Cục chủ trì góp ý và trình Bộ trưởng ký văn bản trả lời.

Chương V

RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, HỦY BỎ QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 18. Rà soát định kỳ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Các Cục tổ chức rà soát định kỳ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Trình tự, thủ tục rà soát định kỳ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định như sau:

a) Lập danh mục các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành đến kỳ hạn phải rà soát định kỳ 5 năm một lần hoặc sớm hơn khi cần thiết;

b) Các Cục thực hiện việc rà soát quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo các tiêu chí:

- Sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế có liên quan;

- Tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Các tiêu chí khác có liên quan;

c) Kết quả rà soát được lập thành các danh mục kèm theo bản giải trình, bao gồm: danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giữ nguyên hiệu lực; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần sửa đổi, bổ sung, thay thế và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần hủy bỏ. Trong danh mục kết quả rà soát, các quy chuẩn kỹ thuật được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên;

d) Các Cục lập hồ sơ rà soát quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, báo cáo kết quả rà soát và kiến nghị đưa vào kế hoạch sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trình Bộ.

3. Trường hợp do yêu cầu cấp thiết của quản lý nhà nước, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tổ chức việc rà soát quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sớm hơn định kỳ 5 năm hoặc đột xuất.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải được đưa vào kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

2. Các Cục tổ chức việc xem xét, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 16 Thông tư này.

Điều 20. Hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Việc hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện trên cơ sở kết quả rà soát của các Cục quản lý chuyên ngành.

a) Cục lập hồ sơ hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia gửi Vụ khoa học, Công nghệ và Môi trường để trình Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định;

Cục chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Hồ sơ hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm:

- Bản quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đề nghị hủy bỏ;

- Bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học);

- Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có);

- Kết quả rà soát định kỳ và kiến nghị;

- Văn bản đề nghị hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

2. Trường hợp do yêu cầu cấp thiết của quản lý nhà nước, Bộ trưởng Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo thủ tục, quy trình rút ngắn trên cơ sở đảm bảo tính khả thi, cơ sở khoa học và kinh phí cần thiết cho việc triển khai thực hiện.

Điều 21. Ý kiến về hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật

1. Khi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến về hủy bỏ Quy chuẩn địa phương thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, thì theo chức năng nhiệm vụ, các Cục chủ trì thẩm định và trình Bộ trưởng ký văn bản trả lời.

2. Khi các Bộ, ngành và địa phương có văn bản lấy ý kiến đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn góp ý về hủy bỏ Quy chuẩn địa phương không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, thì theo chức năng nhiệm vụ, các Cục chủ trì góp ý và trình Bộ trưởng ký văn bản trả lời.

Chương VI

TRÌNH BÀY VÀ THỂ HIỆN NỘI DUNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 22. Bố cục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Bố cục của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm những phần chính sau:

1. Phần quy định chung

- Phạm vi điều chỉnh;
- Đối tượng áp dụng;
- Giải thích từ ngữ (nếu có).

2. Phần quy định về kỹ thuật

Phần này viện dẫn tiêu chuẩn hoặc đưa ra các yêu cầu kỹ thuật cụ thể về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật mà đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật phải tuân theo để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác.

Các yêu cầu kỹ thuật được quy định phải đánh giá được bằng các phương pháp và phương tiện hiện có ở trong nước hoặc nước ngoài.

3. Phần quy định về quản lý

Phần này thể hiện cụ thể phương thức quản lý thích hợp đối với đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật như sau:

- Quy định về chứng nhận hợp quy (nêu rõ phương thức đánh giá sự phù hợp được lựa chọn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quy định có liên quan khác);

- Quy định về công bố hợp quy (nêu rõ cơ sở để công bố hợp quy là kết quả

đánh giá của tổ chức chứng nhận, phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận hay là kết quả tự đánh giá của chính tổ chức thực hiện việc công bố);

- Phương thức kiểm tra;
- Quy định các hình thức quản lý khác (ví dụ: quy định về việc ghi nhãn, kiểm tra trên thị trường,...);
- Phương pháp thử, phương pháp lấy mẫu;
- Các nội dung thích hợp khác.

4. Các quy định quản lý khác có liên quan (các điều kiện đặc thù liên quan đến sử dụng, vận hành,... đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu khác)

5. Phần quy định về giám sát và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành

6. Phân trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

7. Phần quy định về tổ chức thực hiện

8. Các phụ lục (nếu có).

Tùy theo đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và yêu cầu quản lý, nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có thể bao gồm tất cả các mục trên, giảm bớt hoặc bổ sung cho phù hợp.

Điều 23. Trình bày quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Việc trình bày quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải đảm bảo tính hệ thống, hiệu lực pháp lý và không được trái với văn bản pháp luật liên quan. Ngôn ngữ của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải nhất quán, chính xác, phổ thông; cách diễn đạt phải đơn giản, dễ hiểu. Các thuật ngữ chuyên môn cần xác định rõ nội dung phải được định nghĩa trong văn bản.

1. Trang bìa quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải có trang bìa trước và trang bìa sau.

Mẫu trình bày trang bìa quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định chi tiết tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm các yếu tố sau đây:

- Hình quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện theo quy định của pháp luật về quốc huy;

- Dòng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”;

- Ký hiệu đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định tại mục 9, Phần I của Thông tư này;

- Dòng chữ “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia”;

- Tên gọi của quy chuẩn kỹ thuật;

- Tên gọi đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bằng tiếng Anh.

- Địa điểm và năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Tên viết tắt tên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: BNNPTNT.

Trang 2 của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia là trang thể hiện lời nói đầu trong đó ghi rõ tổ chức biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan trình duyệt và cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các nội dung khác có liên quan đến việc xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (ví dụ về thể hiện lời nói đầu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Phần trống đầu trang (header) của các trang nội dung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (trừ trang 3) in ký hiệu đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tại vị trí phía bên phải của trang đối với các trang lẻ và phía bên trái của trang đối với các trang chẵn. Kiểu chữ của ký hiệu in hoa, in đậm theo phông chữ Arial, cỡ chữ 12 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode).

3. Nguyên tắc đánh số thứ tự các hạng mục nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thực hiện theo quy định tương ứng tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06 tháng 5 năm 2005 của Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính

phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

4. Khổ giấy của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia là khổ A4 (210 mm x 297 mm), sai số kích thước cho phép là $\pm 0,5$ mm.

5. Phần nội dung (bản văn) của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ thực hiện theo phông chữ Arial, cỡ chữ từ 12 đến 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode); khi xuống dòng, chữ đầu dòng có thể lùi vào từ 1 cm đến 1,27 cm (1 default tab); khoảng cách giữa các đoạn văn (paragraph) đặt tối thiểu là 6 pt; khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng (line spacing) chọn tối thiểu từ cách dòng đơn (single line spacing) hoặc từ 15 pt (exactly line spacing) trở lên.

6. Số trang quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được tính từ trang bìa trước cho đến trang cuối cùng của quy chuẩn. Số trang quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được in trên từng trang của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tại chính giữa phần cuối trang giấy, trừ trang bìa.

7. Ký hiệu và số hiệu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được in trên từng trang của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ở góc ngoài phía mở của trang.

8. Khi thể hiện nội dung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tham khảo các hướng

dẫn quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN 1-2:2008.

Chương VII THÔNG BÁO, PHỔ BIẾN, ĐĂNG KÝ, XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 24. Đăng ký quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

1. Các Cục chủ trì thực hiện việc đăng ký quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tại Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Bản đăng ký quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ đăng ký quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm:

- Công văn đề nghị kèm theo bản đăng ký quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bản sao quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
- Quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Điều 25. Thông báo về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Cục thông báo về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Cục và của Bộ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được ban hành.

Điều 26. Phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Cục chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai việc phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

Việc phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần được thực hiện ngay sau khi quy chuẩn kỹ thuật được ban hành đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thông qua các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo và các hình thức thích hợp khác.

Điều 27. Xuất bản và phát hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Cục tổ chức thực hiện kế hoạch việc xuất bản và phát hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được ban hành.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Phân công nhiệm vụ

1. Cục quản lý chuyên ngành

a) Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: Quy định chung về quản lý chất lượng Nông lâm thủy sản; an toàn, vệ sinh thủy sản, thực phẩm thủy sản xuất, nhập khẩu;

b) Cục Nuôi trồng thủy sản: nuôi trồng thủy sản; giống thủy sản; thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn, chất phụ gia, chế phẩm sinh học, môi trường nuôi trồng thủy sản, chất lượng nước dùng trong nuôi trồng thủy sản; điều kiện cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế phẩm sinh học dùng cho nuôi trồng thủy sản;

c) Cục khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản: khai thác chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của tàu cá, cảng cá, khu neo đậu trú bão của tàu cá và chợ thủy sản đầu mối; đóng, sửa tàu cá, sản xuất trang thiết bị an toàn và thiết bị cơ khí khai thác lắp đặt, sử dụng trên tàu cá, về bảo tồn, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

d) Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối: các điều kiện của cơ sở chế biến, sơ chế, vận chuyển, bảo quản nông lâm thủy sản và muối; sản phẩm muối; máy và thiết bị sản xuất trong ngành, điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm sản và muối;

đ) Cục Trồng trọt: Giống, giống cây trồng, phân bón, chất lượng sản phẩm trồng trọt, sản xuất trồng trọt đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường và dịch vụ trong quá trình sản xuất trồng trọt;

e) Cục Bảo vệ thực vật: kiểm dịch thực vật, bảo vệ thực vật, thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, sản xuất, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, chất bảo quản nông sản, lâm sản;

g) Cục Chăn nuôi: giống vật nuôi nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, chất bảo quản sử dụng trong thức ăn chăn nuôi, các chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi; chăn nuôi, vật tư chuyên ngành chăn nuôi, môi trường trong chăn nuôi, điều kiện đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm chăn nuôi;

h) Cục Lâm nghiệp: phát triển rừng, sử dụng rừng, giống cây trồng lâm nghiệp, các sản phẩm, hàng hóa lâm sản;

i) Cục Kiểm lâm: quản lý và bảo vệ rừng;

j) Cục Thú y: phòng, chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch động vật, thuốc và nguyên liệu thuốc thú y, điều kiện vệ sinh thú y; quy chuẩn liên quan đến công tác giết mổ gia súc, gia cầm, buôn bán kinh doanh sản phẩm động vật, lấy mẫu

thực phẩm tươi sống có nguồn gốc động vật phục vụ công tác xét nghiệm;

k) Cục Thủy lợi: khai thác, sử dụng và bảo vệ công trình thủy lợi, cấp thoát nước, quản lý nước trong công trình thủy lợi;

l) Cục Quản lý Xây dựng công trình: thi công công trình thủy lợi;

m) Cục Quản lý Đề điều và phòng chống lụt bão: Đề điều, công tác phòng chống lụt, bão;

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Tổng hợp quy hoạch, kế hoạch của Bộ, phân bổ kinh phí và thẩm tra Dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trình Bộ chuyển đến Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định.

3. Các tổ chức cá nhân có trách nhiệm phối hợp với Cục quản lý chuyên ngành trong việc lập quy hoạch, kế hoạch và tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Các Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng và trình Bộ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia; chịu trách nhiệm xem xét và phê duyệt đề cương, dự toán và tổ chức xây dựng, trình ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

b) Quản lý việc xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương;

c) Tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

d) Tuyên truyền, phổ biến, tổ chức hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

đ) Kiểm tra, thanh tra về hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm:

Tổng hợp và thông báo danh mục các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành cho Bộ Khoa học và Công nghệ;

Triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền, đào tạo, phổ biến, hướng dẫn áp dụng và các hoạt động liên quan khác nhằm đảm bảo việc thi hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

Điều 30. Kinh phí

1. Kinh phí triển khai công tác quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bao gồm: kinh phí lập quy hoạch, kế hoạch, rà soát, chuyển đổi, xây dựng, thẩm định, ban hành, đăng ký, xuất bản, phát hành, phổ biến, kiểm tra và đánh giá.

2. Kinh phí triển khai công tác quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ và các hoạt động khác của các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các khoản hỗ trợ tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Bá Bổng

Phụ lục I

NỘI DUNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
*(ban hành theo Thông tư số 38/2009/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 6 năm 2009
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cục (Vụ):.....

QUY HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Từ năm..... đến năm.....

1. Định hướng, chiến lược phát triển chuyên ngành
2. Quan điểm quy hoạch
3. Mục tiêu quy hoạch
 - 3.1. Mục tiêu tổng quát
 - 3.2. Mục tiêu cụ thể
4. Định hướng quy hoạch
5. Quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
 - 5.1. Lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần quy hoạch
 - 5.2. Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần xây dựng
 - 5.3. Phương thức xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
 - 5.4. Tổng số quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần xây dựng cho từng chuyên ngành, lĩnh vực, đối tượng
 - 5.5. Nguồn lực cho việc thực hiện quy hoạch
 - 5.6. Lộ trình thực hiện quy hoạch
 - 5.7. Bản tổng hợp quy hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo mẫu quy định tại biểu I của Phụ lục này.
6. Các giải pháp thực hiện quy hoạch
7. Các phụ lục kèm theo (nếu có).

Biểu I

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cục (Vụ):.....

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT
QUỐC GIA

Từ năm..... đến năm.....

TT	Chuyên ngành/ Lĩnh vực/đối tượng QCVN	Tổng số QCVN cần xây dựng	Lộ trình thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1	Chuyên ngành A							
1.1	Lĩnh vực...							
1.1.1	Đối tượng....							
							
2	Chuyên ngành B							
2.1	Lĩnh vực...							
2.1.1	Đối tượng....							
							

Phụ lục II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ HÀNG NĂM XÂY DỰNG
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

(ban hành theo Thông tư số 38/2009/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 6 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cuc (Vu):.....

KẾ HOẠCH 5 NĂM XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Từ năm..... đến năm.....

[illegible]

2. Bản thuyết minh kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (kèm theo kế hoạch)

Nội dung chính của bản thuyết minh bao gồm các mục sau:

- Căn cứ xây dựng kế hoạch 5 năm (phân tích sự liên quan và yêu cầu thực hiện theo quy hoạch phát triển quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, yêu cầu quản lý nhà nước, chương trình quốc gia, văn bản cấp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cam kết quốc tế, khu vực song phương và đa phương, v.v...);

- Mục tiêu;

- Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý trong lĩnh vực chuyên ngành được phân công;

- Xác định nhu cầu xây dựng QCVN trong từng lĩnh vực;

- Xác định đối tượng cụ thể và loại QCVN cần xây dựng;

- Dự kiến về khả năng bảo đảm nguồn kinh phí và kinh phí thực hiện;

- Dự kiến thời gian thực hiện;

- Kiến nghị biện pháp thực hiện;

- Các nội dung khác có liên quan;

- Các phụ lục kèm theo (nếu có).

3. Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cuc (Vu):.....

Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia năm.... (năm kế hoạch)

[illegible]

TT	Chuyên ngành/ Lĩnh vực/ đối tượng QCVN	Tên QCVN	Loại QCVN	Tổ chức biên soạn xây dựng dự thảo QCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Ngân sách nhà nước	Nguồn khác	
1.1.1	Đối tượng....									
									
2	Chuyên ngành B									
2.1	Lĩnh vực...									
2.1.1	Đối tượng....									
									

Ghi chú: Kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải kèm theo:

- Dự án xây dựng QCVN cho từng đối tượng QCVN hoặc nhóm đối tượng QCVN;

- Dự kiến chương trình phổ biến, hướng dẫn áp dụng cho các QCVN được ban hành theo kế hoạch./.

Phụ lục III

MẪU DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

(ban hành theo Thông tư số 38/2009/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 6 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

1. Tên QCVN:

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của QCVN:

3. Cơ quan, tổ chức/cá nhân đề nghị

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....

4. Tình hình đối tượng quy chuẩn kỹ thuật trong nước và ngoài nước

5. Lý do và mục đích xây dựng QCVN

- QCVN đáp ứng những mục tiêu quản lý nào sau đây:

- | | | | |
|--------------------------------------|--------------------------|---|--------------------------|
| + Đảm bảo an toàn | <input type="checkbox"/> | + Bảo vệ động, thực vật | <input type="checkbox"/> |
| + Đảm bảo vệ sinh, sức khỏe | <input type="checkbox"/> | + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | <input type="checkbox"/> |
| + Bảo vệ môi trường | <input type="checkbox"/> | + Các mục tiêu quản lý khác (ghi rõ mục tiêu quản lý) | <input type="checkbox"/> |
| + Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia | <input type="checkbox"/> | | |

- QCVN dùng để: chứng nhận hoặc công bố hợp quy ☐

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan

+ Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên

+ Yêu cầu hài hòa trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực

+ Các yêu cầu quản lý khác

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn ☐
- + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường ☐
- + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình ☐
- + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ ☐
- + Quy chuẩn kỹ thuật khác ☐

7. Những vấn đề sẽ quy định trong QCVN

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc soát xét):

- | | |
|---|--|
| + Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho lĩnh vực quản lý <input type="checkbox"/> | + An toàn thuốc bảo vệ thực vật <input type="checkbox"/> |
| + Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho nhóm sản phẩm, dịch vụ, quá trình <input type="checkbox"/> | + An toàn thuốc thú y <input type="checkbox"/> |
| + An toàn sinh học <input type="checkbox"/> | + An toàn chế phẩm sinh học và hóa chất dùng cho động thực vật <input type="checkbox"/> |
| + An toàn cháy nổ <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về chất lượng môi trường xung quanh <input type="checkbox"/> |
| + An toàn cơ học <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về chất thải <input type="checkbox"/> |
| + An toàn công nghiệp <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa <input type="checkbox"/> |
| + An toàn xây dựng <input type="checkbox"/> | + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa <input type="checkbox"/> |
| + An toàn hóa học <input type="checkbox"/> | + An toàn, vệ sinh trong dịch vụ kinh doanh, thương mại <input type="checkbox"/> |
| + An toàn điện <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ bưu chính viễn thông <input type="checkbox"/> |
| + An toàn thiết bị y tế <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ xây dựng <input type="checkbox"/> |

- | | | | |
|-------------------------------------|--------------------------|---|--------------------------|
| + Tương thích điện từ trường | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ khoa học, giáo dục | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn bức xạ và hạt nhân | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn vệ sinh thực phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn vệ sinh trong dịch vụ du lịch | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn dược phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn vệ sinh trong dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn mỹ phẩm | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ vận tải | <input type="checkbox"/> |
| + Vệ sinh an toàn thức ăn chăn nuôi | <input type="checkbox"/> | + An toàn trong dịch vụ môi trường | <input type="checkbox"/> |
| + An toàn phân bón | | + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác (liệt kê cụ thể) | <input type="checkbox"/> |

- Bộ Cục quản lý chuyên ngành, nội dung các phần chính của QCVN (dự kiến):

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: ☐ có ☐ không

(Nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng QCVN

- Phương thức thực hiện:

- | | |
|---|--------------------------|
| + Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn | <input type="checkbox"/> |
| + Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác | <input type="checkbox"/> |
| + Xây dựng QCVN kết hợp cả tiêu chuẩn và các tài liệu khác | <input type="checkbox"/> |

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng QCVN (bản sao kèm theo):...

9. Kiến nghị ban soạn thảo QCVN

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCVN ☐

(tên cơ quan, tổ chức chủ trì biên soạn QCVN)

- Ban soạn thảo soạn thảo QCVN ☐

(dự kiến thành viên ban soạn thảo)

10. Cơ quan phối hợp xây dựng QCVN

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo QCVN:
- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo QCVN:
- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo QCVN:

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCVN		
2	Biên soạn dự thảo QCVN: - Lấy ý kiến chuyên gia, - Khảo nghiệm dự thảo, - Hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCVN		
3	Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi		
4	Tổ chức Hội nghị chuyên đề		
5	Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt		
6	Thẩm định hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt		
7	Ban hành QCVN		

12. Dự toán kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí dự kiến:..... trong đó:

- Ngân sách Nhà nước:.....
- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:.....
(ghi rõ của tổ chức cá nhân nào, nếu có)
- Nguồn khác:.....

b) Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: (theo hướng dẫn của Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

....., ngày.... tháng..... năm 200...

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ DỰ ÁN QCVN
Ký tên, đóng dấu (nếu có)

Phụ lục IV

TRÌNH BÀY TRANG BÌA VÀ TRANG 2 CỦA QUY CHUẨN KỸ THUẬT
QUỐC GIA

*(ban hành theo Thông tư số 38/2009/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 6 năm 2009 của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

1. Mẫu trang bìa Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Ví dụ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về..... do Bộ trưởng Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành năm..... theo quy định tại mẫu 1 của
Phụ lục này.



(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2)

QCVN....: 200.../BNNPTNT (3)

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (4)

..... (5)

..... (6)

HÀ NỘI - 200.... (7)

Chú thích Mẫu 1:

(1)	Quốc huy nước CHXHCN Việt Nam Hình khối vuông, mỗi cạnh 3 cm.
(2)	Dòng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), không in đậm
(3)	Ký hiệu đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
(4)	Dòng chữ “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia” Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
(5)	Tên của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bằng tiếng Việt Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 16 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm
(6)	Tên đầy đủ của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bằng tiếng Anh tương ứng với phần tiếng Việt tại Mục (4) và Mục (5) Kiểu chữ in thường theo phong chữ Arial, cỡ chữ 14 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in nghiêng, đậm
(7)	Địa điểm và năm ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Kiểu chữ in hoa theo phong chữ Arial, cỡ chữ 12 của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode), in đậm

3. Ví dụ về thể hiện lời nói đầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

a) Đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Lời nói đầu

- QCVN....: 200.../(Tên viết tắt của Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành QCVN) do (Tên đơn vị hoặc ban soạn thảo được thành lập) biên soạn, (Tên cơ quan trình duyệt) trình duyệt, (Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ) ban hành theo Thông tư số../2007/TT-BNN (Tên viết tắt của Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành QCVN) ngày...tháng...năm 200...
- Các nội dung khác liên quan đến việc xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nếu thấy cần thiết

Phụ lục V

MẪU BẢN ĐĂNG KÝ QUY CHUẨN KỸ THUẬT

(ban hành theo Thông tư số 38/2009/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 6 năm 2009
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Số:.... (số thứ tự đăng ký/năm đăng ký)

1	Tên Bộ/cơ quan ngang Bộ/UBND tỉnh, thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Số quyết định, ngày ban hành:
3	Ký hiệu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:
4	Lần ban hành, soát xét, sửa đổi (nếu có):
5	Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:.....
6	Phạm vi, đối tượng điều chỉnh:.....
7	Tóm tắt nội dung:.....
8	Số trang:
9	Thời gian có hiệu lực:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

(Ký tên, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)